

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Anh Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bạch Quảng.

2. Bà Lê Thị Thanh Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Vân là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hóa - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Pleiku xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 421/2017/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 6 năm 2017 về: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2017/QĐXX-ST, ngày 16 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 49/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 01 tháng 9 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đào Quý Đ, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tổ 13, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1988.

Nơi cư trú cuối cùng: Tổ 13, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Đào Quý Đ trình bày:

Về hôn nhân: Anh Đào Quý Đ và chị Nguyễn Thị P qua tìm hiểu và kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai. Sau khi kết hôn anh Đ và chị P chung sống tại tổ 13, phường Đ, thành phố P. Anh Đ và chị P sống với nhau hạnh phúc đến tháng 10 năm 2014 thì chị P tự dưng bỏ nhà đi mà không báo cho anh Đ và chính quyền địa phương biết. Anh Đ đã đi tìm chị P nhiều nơi nhưng vẫn không rõ tung tích của chị P. Anh Đ đã yêu cầu Tòa án tuyên bố chị P mất tích. Nay anh Đ không còn tình

cảm với chị P nữa, anh Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị P.

Về con chung: Anh Đào Quý Đ và chị Nguyễn Thị P không có con chung. Vì vậy không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đào Quý Đ và chị Nguyễn Thị P không có tài sản chung và nợ chung. Vì vậy không yêu cầu.

Ngoài ra anh Đào Quý Đ không trình bày gì thêm.

Đối với bị đơn là chị Nguyễn Thị P: Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Toà án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên hoà giải, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho chị P theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng chị P không đến Toà án để làm việc, không cung cấp cho Toà án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của anh Đào Quý Đ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, do đó Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Hôn nhân giữa anh Đào Quý Đ và chị Nguyễn Thị P là hợp pháp. Quá trình chung sống với nhau đến tháng 10 năm 2014 chị P bỏ nhà đi khỏi, không liên lạc với anh Đ và thông báo cho chính quyền địa phương. Anh Đ đã yêu cầu Tòa án tuyên bố chị P mất tích. Vì vậy, việc anh Đ yêu cầu ly hôn với chị P là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Đào Quý Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị P có nơi cư trú cuối cùng là: tổ 13, phường Đ, thành phố P tỉnh Gia Lai. Vì vậy đây là vụ án: “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị Nguyễn Thị P tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn chị Nguyễn Thị P.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Anh Đào Quý Đ và chị Nguyễn Thị P tự nguyện tìm hiểu sau đó kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai vào năm 2011. Do đó, hôn nhân của anh Đ và chị P là hợp pháp, theo đúng quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

Anh Đào Quý Đ và chị Nguyễn Thị P đang chung sống hạnh phúc nhưng đến tháng 10 năm 2014 thì chị P bỏ nhà đi không báo cho anh Đ và chính quyền địa phương biết, anh Đ đã đi tìm chị P nhiều nơi nhưng vẫn không có tin tức. Đến nay anh Đ nhận thấy không còn tình cảm với chị P nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Đ khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với chị P.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên hoà giải, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho chị P để Tòa án tiến hành hòa giải đoàn tụ giữa anh Đ và chị P, nhưng chị P không đến Tòa án làm việc, không gửi cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của anh Đ và tại phiên tòa hôm nay chị P cũng vắng mặt. Xét thấy, Luật hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng chia sẻ. Anh Đ và chị P là vợ chồng hợp pháp, nhưng anh, chị không ở bên nhau để yêu thương và chia sẻ những vấn đề trong cuộc sống hôn nhân. Từ tháng 10 năm 2014 đến nay chị P đã đi khỏi địa phương, anh Đ đã đi tìm chị P nhiều nơi vẫn không có tin tức của chị P. Tại Quyết định giải quyết việc dân sự số: 10/2017/QĐDS-ST, ngày 31/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Pleiku đã tuyên bố chị Nguyễn Thị P mất tích theo yêu cầu của anh Đào Quý Đ. Đến nay chị P vẫn mất tích, không có tin tức. Như vậy chị P đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc anh Đào Quý Đ yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị P là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 và khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Đào Quý Đ và chị Nguyễn Thị P không có con chung. Vì vậy không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh Đào Quý Đ và chị Nguyễn Thị P không có tài sản chung và nợ chung. Vì vậy không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Đào Quý Đ là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các Điều 9, 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đào Quý Đ.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đào Quý Đ được ly hôn với chị Nguyễn Thị P.

- Về án phí: Buộc anh Đào Quý Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là: 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 300.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) theo biên lai số: 0003344, ngày 22/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai; anh Đào Quý Đ đã nộp đủ tiền án phí.

Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 18/9/2017) nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản sao bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND TP.Pleiku;
- THADS TP.Pleiku;
- UBND TT.Chư Prông (Số: 53/2011 Q.01/2009)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa